

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN Giáo dục kinh tế và pháp luật – Lớp 10
Năm học 2022 -2023

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

1. Hoạt động sản xuất

- Hoạt động sản xuất là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.
- Hoạt động sản xuất có vai trò là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

2. Hoạt động phân phối-trao đổi

- Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng).
- Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).
- Phân phối – trao đổi đóng vai trò trung gian, là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.
- + Phân phối có vai trò thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp.
- + Trao đổi giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

3. Hoạt động tiêu dùng

- Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.
- Tiêu dùng được coi là mục đích của sản xuất, ví như đơn đặt hàng của xã hội đối với sản xuất; Giữ vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm.
- Tiêu dùng tác động mạnh mẽ đối với sản xuất theo hai hướng: thúc đẩy mở rộng sản xuất nếu sản phẩm tiêu thụ được và ngược lại, sản xuất sẽ suy giảm khi sản phẩm không tiêu thụ được

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

1. Chủ thể sản xuất

- Chủ thể sản xuất là những người sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể sản xuất gồm các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh.
- Chủ thể sản xuất có vai trò: Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận, thỏa mãn nhu cầu hiện tại của xã hội, tạo ra và phục vụ nhu cầu trong tương lai với mục tiêu lợi nhuận tối đa trong điều kiện nguồn lực có hạn.
- + Chủ thể sản xuất luôn phải quan tâm đến việc lựa chọn sản xuất hàng hoá nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng cách nào để đạt hiệu quả.
- + Có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khoẻ và lợi ích của con người trong xã hội.

2. Chủ thể tiêu dùng

- Chủ thể tiêu dùng là người mua hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất,...
- Chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

3. Chủ thể trung gian

- Chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường:
 - + Các thương nhân chuyên phân phối hàng hoá.
 - + Nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,....
- Vai trò của chủ thể trung gian:
 - + Là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua – bán, sản xuất – tiêu dùng... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả hơn.

4. Chủ thể nhà nước

Nhà nước có vai trò quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế:

- + Tạo môi trường pháp lý thuận lợi và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội cho sự phát triển kinh tế.
- + Tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho sự phát triển kinh tế (xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, ban hành các chính sách, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế phát triển theo mục tiêu; xây dựng sản xuất, kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển và kinh doanh những dịch vụ công cộng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, tài chính, tín dụng, năng lượng, giao thông, viễn thông,...; khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát,..)
- + Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm định hướng XHCN

Bài 3: Thị trường

1. Khái niệm thị trường

- Thị trường là tổng hòa những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả, số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển của nền sản xuất.
- + Ở cấp độ cụ thể: thị trường là chợ, cửa hàng, phòng giao dịch,...
- + Ở cấp độ trừu tượng hơn: thị trường được nhận diện qua các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán (cung- cầu, quan hệ hàng – tiền, quan hệ trong – ngoài nước,....)

2. Các loại thị trường

- Theo đối tượng giao dịch, mua bán: thị trường lúa gạo, thị trường dầu mỏ, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản....
- Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch: thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ....
- Theo phạm vi của quan hệ mua bán, giao dịch : có thị trường trong nước và thị trường quốc tế,...

3. Các chức năng cơ bản của thị trường

- Chức năng thừa nhận: thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hóa có bán được hay không và bán với giá như thế nào.

- Chức năng thông tin: cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hóa, giá cả, tình hình cung cầu về các loại hàng hóa.

- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

Bài 4: Cơ chế thị trường

1. Cơ chế thị trường

a. Khái niệm cơ chế thị trường

- Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,...

- Vai trò: Chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

b. Ưu điểm của cơ chế thị trường

- Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

- Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.

- Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

c. Nhược điểm của cơ chế thị trường

- Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.

- Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng.

- Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.

=> Nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô nền kinh tế để khắc phục, hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường.

2. Giá cả thị trường

a. Khái niệm giá cả thị trường

- Giá cả hàng hóa là số tiền phải trả để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa đó.

- Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường hay giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán.

b. Chức năng của giá cả thị trường

- Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.

- Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.

- Là công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

Bài 5: Ngân sách nhà nước

1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước

a. Khái niệm ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước

b. Đặc điểm của ngân sách nhà nước

- Mang tính pháp lý cao. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước.

- Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước.
- Hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội.
- Được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng để chỉ dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch.
- Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp

2. Vai trò của ngân sách nhà nước

- Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý.
- Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
- Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh.... và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết.
- Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

3. Quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước

- Công dân có quyền:
 - + Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
 - + Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.
- Công dân có nghĩa vụ:
 - + Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả;
 - + Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bài 6: Thuế

1. Thuế và vai trò của thuế

a. Thuế là gì?

Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế

b. Vai trò của thuế

- Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.
- Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước.
- Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

2. Một số loại thuế phổ biến

- Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế.

Thuế trực thu có:

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Thuế thu nhập cá nhân...
 - Thuế gián thu là thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ.
- Thuế gián thu có:
- + Thuế giá trị gia tăng

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Thuế xuất khẩu, nhập khẩu
- + Thuế bảo vệ môi trường...

3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

- Công dân có nghĩa vụ khai và nộp thuế đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn.
- Công dân được hưởng lợi ích từ thuế qua các hàng hoá, dịch vụ công cộng do nhà nước cung cấp.

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

1. Vai trò của sản xuất kinh doanh

- Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận.
- Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.
- Sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội: là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh, đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh

a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh

- Hộ sản xuất kinh doanh là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.
- Hộ kinh doanh chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.
- Mô hình này có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn.

b. Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh

- Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng trong quản lý hợp tác xã.
- Đặc điểm của hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể; các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh; có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý hợp tác xã.
- Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, có ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý
- Đặc điểm của Liên hiệp hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu; có tư cách pháp nhân; các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý.

c. Mô hình doanh nghiệp

* Khái niệm, đặc điểm mô hình doanh nghiệp

- Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch ổn định, được đăng

kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

- Doanh nghiệp có đặc điểm:

- + Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ.

- + Có tính hợp pháp đã đăng kí và được cấp phép kinh doanh.

- + Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

* Một số mô hình doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp tư nhân:

- + Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- + Đặc điểm:

Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là các cá nhân chủ doanh nghiệp, có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư, không tách bạch tài sản của chủ doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân.

Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô thời hạn toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp.

- Công ty hợp danh:

- + Công ty hợp danh là doanh nghiệp có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể thêm thành viên góp vốn. Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

- + Đặc điểm:

Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lý công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.

Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỷ lệ được quy định tại điều lệ công ty; không tham gia quản lý công ty và hoạt động nhân danh công ty.

Do kết hợp được uy tín cá nhân của thành viên hợp danh nên tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành, quản lý công ty không qua sự tập trung của số lượng các thành viên ít và tin tưởng nhau.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

- + Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

- + Đặc điểm:

Vốn điều lệ tại thời điểm đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong điều lệ công ty. Nếu tăng vốn điều lệ bằng đóng góp của người khác thì phải chuyển đổi sang loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần.

Ít rủi ro hơn doanh nghiệp tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

- + Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó 2 thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.

+ Đặc điểm:

Công ty có tư cách pháp nhân, không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn

Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Vốn điều lệ của công ty khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên cam kết góp vào công ty.

Ít gây rủi ro cho người góp vốn, việc quản lý, điều hành công ty không quá phức tạp.

- Công ty cổ phần:

+ Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

Người đóng góp cổ phần gọi là các cổ đông. Cơ quan tối cao của công ty cổ phần là Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị sau đó Hội đồng quản trị sẽ thuê, bổ nhiệm giám đốc (TGD) hoặc giám đốc điều hành. Công ty có quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Đặc điểm:

Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa.

Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán, phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc TGD.

Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn của công ty cổ phần linh hoạt, khả năng huy động vốn cao thông qua phát hành cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu ra công chúng.

- Doanh nghiệp nhà nước:

+ Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh doanh do nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lý hoặc tham gia quản lý với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

+ Doanh nghiệp nhà nước có 2 loại:

Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: công ty TNHH 1 thành viên.

Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần.

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống xã hội

1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng

- Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi.

- Đặc điểm cơ bản:

+ Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn.

+ Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhượng quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định.

+ Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi vô điều kiện.

2. Vai trò của tín dụng

- Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người đang cần vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả.

- Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước.

- Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

Bài 9: Dịch vụ tín dụng

1. Tín dụng ngân hàng

a. Đặc điểm của tín dụng ngân hàng

- Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

- Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc và lãi vô điều kiện và tiền ân rủi ro.

b. Một số hình thức tín dụng ngân hàng

- Cho vay tín chấp

+ Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.

+ Đặc điểm của cho vay tín chấp: dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao.

+ Trách nhiệm của người vay: cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phait trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

- Cho vay thế chấp

+ Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay.

+ Đặc điểm của cho vay thế chấp: người vay phải có tài sản đảm bảo; thủ tục vay phức tạp; số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.

+ Trách nhiệm của người vay: cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phait trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp.

- Cho vay trả góp

+ Cho vay trả góp: là hoạt động ngân hàng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

+ Đặc điểm của cho vay trả góp: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; tùy trường hợp cụ thể ngân hàng sẽ cho vay trả góp dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp.

+ So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

+ Trách nhiệm của người vay: cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

2. Tín dụng thương mại

Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

3. Tín dụng tiêu dùng

a. Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng

+ Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng.

+ Đặc điểm: mục đích vay để tiêu dùng, nguồn trả nợ là thu nhập của người vay, người vay là cá nhân, hộ gia đình; người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,... lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

b. Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng

- Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính

+ Cho vay trả góp là tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay

+ Đặc điểm của cho vay trả góp:

Hàng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; các quy định về thời gian trả hàng tháng và mức phạt cao nếu không trả đúng hạn nên người vay cần cân nhắc; tùy trường hợp cụ thể, công ty tài chính sẽ cho vay dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp

So với hình thức thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

+ Trách nhiệm của người vay: cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

- Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

+ Thẻ tín dụng ngân hàng (Credit Card) là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng **phát** hành. Căn cứ vào tài chính và lịch sử tín dụng của chủ thẻ, ngân hàng cấp một số tiền cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hoá, dịch vụ và quy định hạn quyết toán cho khoản tiền đã chi trong một khoảng thời gian nhất định. Đến hạn quyết toán, chủ thẻ phải hoàn **lại** tiền đã chi cho ngân hàng, nếu không trả hết số tiền đã vay, khách hàng phải chịu lãi.

+ Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân và xã hội:

Với cá nhân: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng thời còn được hoàn lại một khoản tiền nhỏ theo giá trị hoá đơn **mỗi** khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không có được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn.

Với xã hội: việc nhiều cá nhân thực hiện thanh toán qua thẻ sẽ tiết kiệm được **lượng** tiền mặt cần phát hành trong lưu thông, tạo điều kiện để phát triển thương mại điện tử thanh toán hoá đơn điện tử,...

+ Trách nhiệm của người sử dụng thẻ: cung cấp thông tin chính khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng **kì** hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

4. Tín dụng nhà nước

a. Đặc điểm tín dụng nhà nước

+ Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với những tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của Nhà nước để xây dựng Tổ quốc và Nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững.

+ Đặc điểm: Cho vay với lãi suất ưu đãi, theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của Nhà nước; lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

b. Một số hình thức tín dụng nhà nước

- Phát hành trái phiếu chính phủ

+ Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: Nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ.

+ Thời hạn của trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm.

+ Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.

+ Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

- Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội

+ Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.

+ Ngân hàng chính sách xã hội có hai phương thức cho vay: cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác (trong đó uỷ thác là chủ yếu).

+ Ngân hàng có mạng lưới rộng khắp ở các địa phương để cung cấp dịch vụ tín dụng nhanh chóng, kịp thời, tiện lợi cho người dân.

Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

1. Khái niệm tài chính cá nhân

- Tài chính cá nhân là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... của mỗi người.

- Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.

2. Các loại kế hoạch tài chính cá nhân

a. Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn

- Khái niệm: là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng).

- Đặc điểm: mục tiêu ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ,... thời gian thực hiện ngắn.

b. Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn

- Khái niệm: là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 - 6 tháng.

- Đặc điểm: thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ, thời gian thực hiện từ 3 - 6 tháng.

c. Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn

- Khái niệm: là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên.

- Đặc điểm: mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai, thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên, bao gồm kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn để từng bước đạt được mục tiêu dài hạn.

3. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người:

- Tính toán, cần nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập.
- Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp.
- Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống.

- Được mọi người tôn trọng, quý mến.

4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

- Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện

+ Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. Nó có thể liên quan đến những mong muốn cân đối chi tiêu, tiết kiệm, kiếm tiền tăng thu nhập,...

+ Để xác định mục tiêu tài chính, cần đánh giá năng lực tài chính của cá nhân, nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống, từ đó xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cần nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được.

+ Mục tiêu ngắn hạn: được thực hiện trong thời gian ngắn nên vấn đề tài chính cần giải quyết thường là đảm bảo cân đối thu chi, không chi vượt mức số tiền đang có. Nếu có mục tiêu tiết kiệm trong thời gian ngắn thì thường là số tiền rất nhỏ.

+ Mục tiêu tài chính trung hạn, dài hạn: được thực hiện trong thời gian dài hơn nên thường là mong muốn có những khoản tiền lớn hơn thông qua việc tiết kiệm và kiếm thêm.

- Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân

+ Sau khi xác định mục tiêu tài chính thì việc theo dõi và kiểm soát thu chi là bước đi quan trọng để có căn cứ xác định các định mức cho các khoản chi khi phân bổ tài chính đồng thời kiểm soát được việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng mục tiêu đã đề ra.

+ Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu - chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu (những thứ em cần) và những khoản không thiết yếu (những thứ em muốn) để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép. Nếu chi vượt quá mức phải nhanh chóng có phương án điều chỉnh, để cân đối.

+ Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu: Không vì mục tiêu tiết kiệm cũng như mục tiêu cân đối thu chi mà cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện học tập. Không vì theo đuổi mục tiêu kiếm tiền tăng thu nhập mà quên mục tiêu quan trọng nhất là phải học tập tốt.

- Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

+ Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của kế hoạch.

+ Các quy tắc: đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi và có tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu, tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập.

- Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân, cần tuân thủ thực hiện đúng các định mức chi tiêu như đã đề ra trong kế hoạch. Nếu có những khoản chi đột xuất cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng					
		Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao								
		Trắc nghiệm			Trắc nghiệm			Tự luận			Tự luận			CH		Điểm		TG	
		CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Bài 1: Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội	1	0,25	0,75	1	0,25	1,25	1	2	10				2	1	0,5	2	2	10
2	Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	1	0,25	0,75	1	0,25	1,25							2		0,5		2	
3	Bài 3: Thị trường	1	0,25	0,75	1	0,25	1,25							2		0,5		2	
4	Bài 4: Cơ chế thị trường	1	0,25	0,75	1	0,25	1,25				1	1	8	2	1	0,5	1	2	8
5	Bài 5: Ngân sách nhà nước	2	0,25	0,75	1	0,25	1,25							2		0,5		2	
6	Bài 6: Thuế	2	0,25	0,75	1	0,25	1,25							2		0,5		2	
7	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	2	0,75	2,25	1	0,25	1,25							4		1		3,5	
8	Bài 8: Tín dụng	2	0,75	2,25	1	0,25	1,25							4		1		3,5	
9	Bài 9: Dịch vụ tín dụng	2	0,5	1,5	2	0,5	2,5							4		1		4	
10	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	2	0,5	1,5	2	0,5	2,5							4		1		4	
Tổng		16	4	12	12	3	15	1	2	10	1	1	8	28	2	7	3	27	18
Tỷ lệ %		40			30			20			10			30		10		45	
Tỷ lệ chung		70						30						100					

III. ĐỀ MINH HỌA

A. TRẮC NGHIỆM (28 câu = 7 điểm)

Câu 1: Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào dưới đây đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

A. Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng.

B. Hoạt động phân phối - trao đổi.

C. Hoạt động sản xuất - vận chuyển.

D. Hoạt động sản xuất - tiêu thụ.

Câu 2: Những người sản xuất để cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là chủ thể

A. phân phối.

B. sản xuất.

C. nhà nước.

D. tiêu dùng.

Câu 3: Theo phạm vi của quan hệ mua bán, thị trường được phân chia thành thị trường

A. trong nước và quốc tế.

B. hoàn hảo và không hoàn hảo.

C. truyền thống và trực tuyến.

D. cung - cầu về hàng hóa.

Câu 4: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

A. quốc gia giàu có.

B. thời điểm cụ thể.

C. một cơ quan nhà nước.

D. một địa điểm giao hàng.

Câu 5: Theo quy định của Luật ngân sách thì ngân sách địa phương là các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp

A. nhà nước.

B. địa phương.

C. địa phương.

D. trung ương.

Câu 6: Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở

A. Luật Ngân sách nhà nước.

B. nguyện vọng của nhân dân.

C. tác động của quần chúng.

D. ý chí của nhà nước.

Câu 7: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

A. Thuế giá trị gia tăng.

B. Thuế thu nhập cá nhân.

C. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

D. Thuế nhập khẩu.

Câu 8: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

A. Bắt buộc.

B. Tự nguyện.

C. Không bắt buộc.

D. Cưỡng chế.

Câu 9: Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp là nội dung của khái niệm doanh nghiệp nào dưới đây?

A. Doanh nghiệp tư nhân.

B. Công ty hợp danh.

C. Liên minh hợp tác xã.

D. Công ty cổ phần

Câu 10: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp là có tính

A. tổ chức.

B. phi lợi nhuận.

C. tính nhân đạo.

D. tự phát.

Câu 11: Một trong những vai trò của tín dụng là huy động nguồn vốn nhàn dỗi vào

A. cá độ bóng đá.

B. lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

C. sản xuất kinh doanh.

D. các dịch vụ đỏ đen.

Câu 12: Một trong những đặc điểm của tín dụng là có tính

A. một phía.

B. tạm thời.

C. cưỡng chế.

D. bắt buộc.

Câu 13: Một trong những căn cứ quan trọng để hình thức tín dụng cho vay thế chấp được thực hiện là người vay phải có

A. đầy đủ quan hệ nhân thân.

B. tài sản đảm bảo.

C. địa vị chính trị.

D. tư cách pháp nhân.

Câu 14: Hình thức tín dụng nào trong đó người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu về mua sắm hàng hóa?

A. tư nhân.

B. thương mại.

C. nhà nước.

D. tiêu dùng.

Câu 15: Toàn bộ những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư... của mỗi người được gọi là

A. tài chính doanh nghiệp.

B. tài chính gia đình.

C. tài chính thương mại.

D. tài chính cá nhân.

Câu 16: Bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 đến 6 tháng được gọi là

- A. Kế hoạch tài chính cá nhân vô thời hạn.
- B. Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.
- C. Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.
- D. Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

Câu 17: Hoạt động nào sau đây được coi là hoạt động sản xuất?

- A. Anh P xây nhà.
- B. Ông xây tổ.
- C. M nghe nhạc.
- D. Chim tha mồi về tổ.

Câu 18: Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

- A. Người môi giới việc làm.
- B. Nhà phân phối.
- C. Người mua hàng.
- D. Đại lý bán lẻ.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

- A. Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.
- B. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
- C. Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.
- D. Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá

Câu 20: Giá cả thị trường chịu **không** chịu tác động của yếu tố nào dưới đây

- A. Quy luật giá trị.
- B. Niềm tin tôn giáo.
- C. Quan hệ cung cầu sản phẩm.
- D. Thị hiếu người tiêu dùng.

Câu 21: Ngân sách nhà nước **không** gồm các khoản chi nào?

- A. Chi cải cách tiền lương.
- B. Các khoản chi quỹ từ thiện.
- C. Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.
- D. Dự phòng ngân sách nhà nước.

Câu 22: Loại thuế nào dưới đây là hình thức thuế trực thu?

- A. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- B. Thuế giá trị gia tăng.
- C. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- D. Thuế bảo vệ môi trường.

Câu 23: Một trong những ưu điểm của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

- A. có nguồn vốn lớn.
- B. dễ tạo việc làm.
- C. dễ trốn thuế.
- D. sử dụng nhiều lao động.

Câu 24: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của tín dụng ?

- A. Là công cụ điều tiết kinh tế xã hội.
- B. Hạn chế bớt tiêu dùng.
- C. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- D. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông.

Câu 25: Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?

- A. Tín dụng nhà nước.
- B. Tín dụng ngân hàng.
- C. Tín dụng thương mại.
- D. Tín dụng tiêu dùng.

Câu 26: Hình thức vay tín dụng ngân hàng nào sau đây người vay phải trả lãi hàng tháng và một phần nợ gốc?

- A. Vay thấu chi.
- B. Vay tín chấp.
- C. Vay thế chấp.
- D. Vay trả góp.

Câu 27: Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 5 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

- A. Kế hoạch dài hạn.
- B. Kế hoạch vô thời hạn.
- C. Kế hoạch trung hạn.
- D. Kế hoạch ngắn hạn.

Câu 28: Việc làm nào dưới đây thể hiện cá nhân có kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Ghi chép cụ thể các khoản cần chi tiêu.
- B. Tiêu đến đâu thì lo đến đấy.
- C. Tự do tiêu tiền sau đó xin bố mẹ.
- D. Sử dụng thẻ tín dụng không giới hạn.

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Đại dịch COVID-19 đã làm thay đổi nhiều thói quen của người tiêu dùng, trong đó có thói quen mua hàng. Các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh như giãn cách xã

hội, hạn chế tiếp xúc.... khiến việc đặt hàng trên thiết bị di động, giao hàng tại địa chỉ của khách hàng trở nên phù hợp và thuận tiện hơn. Sự thay đổi này đã làm phổ biến một phương thức mới của việc mua và bán trên thị trường. Để thích ứng với xu hướng và cách thức tiêu dùng mới của người dân, các doanh nghiệp cũng phải sáng tạo, phản ứng nhanh. Theo đó, thay đổi mô hình kinh doanh, từ sản xuất đến phân phối, vận chuyển, tiêu thụ, là giải pháp tốt nhất giúp doanh nghiệp phát triển trong tình hình mới.

a) Thông tin trong trường hợp trên cho em biết điều gì về phương thức giao dịch mới trên thị trường? Loại thị trường mới này có tên gọi là gì?

b) Em hãy mô tả một vài đặc điểm chính của phương thức giao dịch mới trên thị trường. So với phương thức giao dịch truyền thống, phương thức mới này có ưu thế hơn ở những điểm nào?

Câu 2 (1 điểm): Bắt đầu lên lớp 10, Lan lập kế hoạch tài chính cá nhân để đạt được các mục tiêu đề ra. Hằng tháng, Lan lập kế hoạch chi tiêu của cá nhân để cân đối chi tiêu hợp lí. Mọi khoản chi tiêu đều được Lan phân chia rõ ràng như chi phí sinh hoạt, chi phí học hành, giải trí và một phần tiết kiệm. Với số tiền tiết kiệm được trong 1 năm. Lan định lên lớp 11 sẽ mua một khoá học ôn thi trực tuyến.

Em hãy cho biết những loại kế hoạch tài chính cá nhân nào được đề cập ở trường hợp trên. Theo em, để đạt được những mục tiêu tài chính cá nhân đã đề ra, mỗi người cần tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào?

----- Hết -----